

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh - TP Đà Nẵng
www.dtu.edu.vn - Tel: 0236.3650403

PHIẾU GHI ĐIỂM**PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY TẬP TRUNG****TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC****Mã số SV:** 27215436829**Họ và tên:** Trần Thị Thùy Dung**Ngày sinh:** 10/09/2003**Chuyên ngành:** Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt**Khóa tuyển sinh:** 2021

STT	NM	SH	TÊN MÔN HỌC	LOẠI LỚP	SỐ ĐVHT	ĐIỂM			GHI CHÚ
						Thang 10	Điểm chữ	Thang 04	
Học Kỳ I - Năm Học 2021-2022									
1	ANA	201	Giải Phẫu Học 1	LAB	1	9.50	A+	4.00	
2	ANA	201	Giải Phẫu Học 1	LEC	1	9.40	A	4.00	
3	BIO	101	Sinh Học Đại Cương	LAB	1	9.00	A	4.00	
4	BIO	101	Sinh Học Đại Cương	LEC	2	9.10	A	4.00	
5	CHE	101	Hóa Học Đại Cương	LAB	1	8.50	A	4.00	
6	CHE	101	Hóa Học Đại Cương	LEC	2	8.10	A-	3.65	
7	COM	141	Nói & Trình Bày (tiếng Việt)	CON	1	9.40	A	4.00	
8	DTE-MED	102	Hướng Nghiệp 1	LEC	1	9.80	A+	4.00	
9	MTH	135	Toán Giải Tích cho Y-Dược	LEC	2	6.40	C+	2.33	
10	PHY	101	Vật Lý Đại Cương 1	LAB	1	7.90	B+	3.33	
11	PHY	101	Vật Lý Đại Cương 1	LEC	2	8.10	A-	3.65	
Học Kỳ II - Năm Học 2021-2022									
1	ANA	202	Giải Phẫu Học 2	LAB	1	9.20	A	4.00	
2	ANA	202	Giải Phẫu Học 2	LEC	1	8.70	A	4.00	
3	BIO	252	Sinh Học Phân Tử	LEC	3	7.60	B+	3.33	
4	BPH	250	Căn Bản Lý Sinh	LEC	3	8.20	A-	3.65	
5	BPH	250	Căn Bản Lý Sinh	LAB	1	8.00	A-	3.65	
6	COM	142	Viết (tiếng Việt)	CON	1	9.00	A	4.00	
7	CS	201	Tin Học Ứng Dụng	LAB	1	9.50	A+	4.00	
8	CS	201	Tin Học Ứng Dụng	LEC	2	9.50	A+	4.00	
9	DTE-MED	152	Hướng Nghiệp 2	WOR	1	9.20	A	4.00	
10	ES	101	Chạy Ngắn & Bài Thử Dục Tay Không	DEM	1		P (P/F)		
11	PHI	150	Triết Học Marx - Lenin	LEC	3	8.70	A	4.00	
12	STA	155	Xác Suất Thống Kê Cho Y - Dược	LEC	2	9.00	A	4.00	
Học Kỳ Hè - Năm Học 2021-2022									
1	ENG	126	Reading - Level 1 (International School)	LEC	2	0.00	F	0.00	
2	ENG	127	Writing - Level 1 (International School)	LEC	2	0.00	F	0.00	
3	ENG	128	Listening - Level 1 (International School)	LEC	2	0.00	F	0.00	
4	ENG	129	Speaking - Level 1 (International School)	LEC	2	0.00	F	0.00	
Học Kỳ I - Năm Học 2022-2023									
1	ANA	203	Mô Phôi	LAB	1				
2	ANA	203	Mô Phôi	LEC	1				

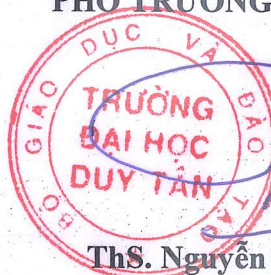
STT	MM	SH	TÊN MÔN HỌC	LOẠI LỚP	SỐ ĐVHT	ĐIỂM			GHI CHÚ
						Thang 10	Điểm chữ	Thang 04	
3	ANA	257	Giải Phẫu Răng Miệng	LAB	1				
4	ANA	257	Giải Phẫu Răng Miệng	LEC	1				
5	BCH	251	Hóa Sinh Y Học	LAB	1				
6	BCH	251	Hóa Sinh Y Học	LEC	2				
7	ENG	135	Anh Văn Cho Y và Sinh	LEC	4				
8	MIB	251	Căn Bản Vi Sinh Học	LAB	1				
9	MIB	251	Căn Bản Vi Sinh Học	LEC	2				
10	MIB	280	Ký Sinh Trùng Cho Y Khoa	LAB	1				
11	MIB	280	Ký Sinh Trùng Cho Y Khoa	LEC	2				
12	MIB	280	Ký Sinh Trùng Cho Y Khoa	STD	1				
TỔNG KẾT:									
Tổng số Đơn vị Học tập (ĐVHT) toàn Khóa học:				42	Tín Chỉ				
Trung bình Điểm gốc toàn Khóa học:				6.93					
Điểm Trung bình Tích lũy toàn Khóa học:				3.03					

Ghi chú:

1. Bảng điểm này lấy điểm cao nhất qua các lần thi
2. Xếp loại học tập theo Mục 1&2, Điều 28 thuộc qui chế 43/2007 QĐ-BGH&ĐT
3. Bảng điểm không được tẩy xóa, chỉnh sửa

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 10 năm 2022

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



ThS. Nguyễn Đăng Quang Huy